TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2023/HC-PT
Ngày: 25 - 5 - 2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi
Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 289/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc *"Kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 128/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2099/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị B – cùng địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Y – cùng địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ – cùng địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Vi Văn V và bà Trịnh Thị D1 – cùng địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của những người khởi kiện: Ông Nguyễn Như H, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt. (Theo các Hợp đồng ủy quyền ngày 15/6/2022).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Số I T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình C, sinh năm 1966 – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện E (Theo giấy ủy quyền số 08/GUQ-UBND ngày 15/6/2022); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk là ông Chu Vĩnh C1 – Chức vụ: Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; có mặt. (Theo Giấy cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 1366/UBND – VP ngày 20/6/2022).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Chu Vĩnh C1 – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; có mặt.

4. Người kháng cáo: UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắc theo trình bày của các bên đương sự như sau:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày chung nội dung:

1. Đối với khởi kiện của ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị B:

Năm 2006, gia đình ông Nguyễn Văn D có nhận sang nhượng của ông Vũ Văn L diện tích đất khoảng 4ha. Lô đất có nguồn gốc ông L nhận chuyển nhượng từ năm 2003 của bà Vũ Thị T1 có HKTT ở thôn F xã C, huyện E, lô đất này được bà T1 khai hoang từ năm 1995. Từ khi nhận sang nhượng gia đình ông D canh tác sử dụng ổn định đến năm 2008 gia đình ông D sang nhượng lại cho ông Vũ Văn L. Năm 2009 ông L trồng 1.000 cây cao su phần diện tích đất còn lại trồng hoa màu. Đến năm 2010 ông L sang nhượng lại cho ông P thôn G xã E. Đầu năm 2014 ông P sang nhượng lại cho ông L, cuối năm 2014 ông L tiếp tục sang nhượng lại cho gia đình ông D. Năm 2015 lô đất của gia đình ông D được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp trích lục thửa đất số 59, tờ bản đồ số 14, diện tích đất là 19.948,0m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 61, tờ bản đồ 14 diện tích 18.109,9m^2 đất NHK.

Ngày 14/7/2015, UBND huyện E đã có thông báo số: 185/TB-UBND Thông báo thu hồi đất để phục vụ điểm khu tái định canh thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng di dân và tái định cư Hồ chứa nước Krông păk thượng. Diện tích đất thu hồi năm 2015 là 34.572,4m^2. Tại thời điểm này Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã kiểm đếm tài sản gắn liền trên đất có số lượng

là 908 cây cao su và gia đình ông D đã bàn giao mặt bằng cho ban dự án. Ngày 11/5/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E lại tài sản thì chỉ còn 566 cây cao su. Ngày 03/12/2021 UBND huyện E có Quyết định số:742/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện Công trình đất trồng lúa 2 vụ điểm tái định cư số 1 xã C Krông păk thượng và Quyết định 740/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, diện tích thu hồi lúc này là 34.633,5m^2 (tăng lên 61,1m^2 so với thông báo thu hồi năm 2015)**.**

UBND huyện E cho rằng đất của gia đình ông D không canh tác liên tục, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 14, là đất lấn chiếm của Lâm trường còn thửa đất số 61, tờ bản đồ 14, là đất lấn chiếm đất dự án 132 do đó không được bồi thường mà chỉ hỗ trợ là không có căn cứ, bởi đất gia đình ông D có nguồn gốc khai hoang sử dụng liên tục ổn định từ năm 1995 cho đến nay, không có Cơ quan tổ chức nào ngăn cấm, không có biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Qua kiểm tra, thửa đất số 61, tờ bản đồ 14, diện tích 18.109,9m^2 đất NHK không phải đất 132. Năm 2015 UBND huyện E đã kiểm đếm đươc 908 cây cao su, gia đình ông D đã bàn giao mặt bằng cho dự án, nay UBND huyện E chỉ bồi thường 566 cây cao su là không đúng. Như vậy, UBND huyên E không xác minh làm rõ nguồn gốc đất, không áp giá tài sản thực tế từng chủng loại cây, mà chỉ hỗ trợ cho gia đình ông D tổng số tiền 258.473.640 đồng là không đúng, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình ông D.

Các sai phạm cụ thể như sau:Tại các biên bản kiểm đếm tài sản vật kiến trúc của UBND huyện E đều xác định trên đất có cây Cao su trồng vào năm 2009. Tại Quyết định 740/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E phê duyệt phương án đền bù thể hiện có 736 cây cao su trồng năm 2009; nhưng tại Mục 6 xác nhận thời điểm sử dụng đất để xác định đền bù, hỗ trợ thì lại ghi thời điểm sử dụng đất là năm 2012, như vậy là sai về thời điểm sử dụng đất.

Những hộ liền kề có cùng nguồn gốc thì được nhận tiền bồi thường còn hộ ông D không được bồi thường đúng theo quy định.Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Hủy bỏ Quyết định số: 742/QĐ-UBND quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định 740/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện E. Buộc UBND huyện E phải thực hiện việc bồi thường diện tích 34.633,5m^2 đất và tài sản gắn liền trên đất là 908 cây Cao su cho gia đình ông D đúng theo quy định của pháp luật

2. Đối với khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Y:

Năm 2007 gia đình ông Q nhận sang nhượng của ông Trịnh Văn Y1 vợ là Nguyễn Thị L1 hộ khẩu thôn F xã C huyện E 01 lô đất khoảng 2ha. Lô đất có nguồn gốc ông của Y1 nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn M thôn 6C xã C huyện E năm 2005, do ông M khai hoang năm 1995. Từ khi nhận sang nhượng gia đình ông Q đã canh tác trồng hoa màu, đến năm 2012 gia đình ông Q trồng được 1.000 cây cao su. Đến năm 2015 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp trích lục thửa đất số 57, tờ bản đồ 14 diện tích 20.284,1m^2 đất CLN.

Ngày 14/7/2015 UBND huyện E thông báo số: 192/TB-UBND thu hồi đất để phục vụ điểm khu tái định canh thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng di dân và tái định cư Hồ chứa nước Krông păk thượng và được Trung tâm phát trển quỹ đất huyện E số lượng được 488 cây cao su (thể hiện tại báo cáo số: 12/TTPTQĐ-ĐNGPMB ngày 25/02/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E), gia đình ông Q đã bàn giao mặt bằng cho Ban dự án, nhưng chưa được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 11/5/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E lại chỉ còn 05 cây cao su. Ngày 03/12/2021 UBND huyện E ban hành Quyết định số: 743/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất của ông Nguyễn Văn Q là 20.284,1m^2 đất và Quyết định số: 740/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện E, chỉ bồi thường đối với 05 cây cao su, không bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất với lý do cho rằng đất của gia đình ông Q không canh tác liên tục, lấn chiếm đất Lâm trường.

Đất của gia đình ông Q có nguồn gốc khai hoang từ năm 1995 được sang nhượng canh tác liên tục sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay, không có ai ngăn cấm không có biên bản xử phạt vi phạm hành chính của Cơ quan tổ chức nào. Nay UBND huyện E thu hồi không bồi thường về đất và bồi thường thiếu tài sản gắn liền trên đất cho gia đình ông Q là vi phạm pháp luật gây thiệt hại quyền lợi gia đình ông Q.

Do đó, đề nghị giải quyết: Hủy bỏ Quyết định số: 743/QĐ-UBND quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định 740/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường ngày 03/12/2021 của UBND huyện E. Buộc UBND huyện E phải bồi thường diện tích đất cho ông Nguyễn Văn Q là 20.284,1m^2 đất CLN và 488 cây Cao su trồng vào năm 2012 theo quy định pháp luật.

3. Đối với khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ:

Năm 2009 gia đình ông Nguyễn Văn T nhận sang nhượng của ông Nguyễn Hữu P1 hộ khẩu thường trú tại thôn F xã C huyện M 01 lô đất có diện tích khoảng 4 ha, lô đất có nguồn gốc năm 2006 ông P1 nhận sang nhượng của ông Vũ Văn L, trước đó ông L nhận sang nhượng của bà Vũ Thị T1, lô đất bà T1 khai hoang năm 1995. Tại thời điểm nhận sang nhượng lô đất của ông L, trên đất có 1000 cây cao su. Đến năm 2011 do cây cao su kém chất lượng nên đầu năm 2012 gia đình ông T phá cây cao su này trồng mới được 1000 cây, phần đất còn lại gia đình ông T trồng hoa màu.

Đến năm 2015 lô đất này được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp Trích lục thửa đất gồm thửa số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 8.463,4m^2 đất CLN; thửa số 63, tờ bản đồ 14, diện tích 23.671,1m^2 đất NHK và thửa đất 01 tờ bản đồ 17 diện tích 41.528,9m^2 đất NHK.

Ngày 14/7/2015 UBND huyện E ra Thông báo số: 128/TB-UBND thông báo thu hồi đất để phục vụ điểm khu tái định canh thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng di dân và tái định cư Hồ chứa nước Krông păk thượng, diện tích đất thu hồi năm 2015 của thửa 63 và 67 tờ bản đồ 14 diện tích là 13.904,8m^2

Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm đếm được 302 cây cao su. Còn thửa 01 tờ bản đồ 17 diện tích 41.528,9m^2 đất NHK lúc đó có 700 cây cao su. Gia đình ông T bàn giao mặt bằng cho B1 dự án nhưng gia đình ông T chưa được nhận đền bù.

Ngày 23/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E lại chỉ còn 04 cây cao su.

Ngày 03/12/2021 UBND huyện E ban hành Quyết định số: 745/QĐ-UBND thu hồi 48.568,3m^2 đất. và Quyết định số: 740/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường UBND huyện E chỉ bồi thường 04 cây cao su là trái quy định của pháp luật. Sau nhiều lần ông T đấu tranh thì ngày 25/02/2022 Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện E mới thừa nhận năm 2015 đã kiểm đếm và cung cấp số liệu cho các hộ gia đình, nhưng Trung tâm phát triển quỹ đất đã tiêu hủy hồ sơ không cung cấp số liệu cây của thửa 01 tờ bản đồ 17, chỉ cung cấp số liệu cây cao su trên thửa đất số 63 và 67 là 302 cây cao su.

UBND huyện E cho rằng gia đình ông T không canh tác liên tục và đất lấn chiếm của Lâm trường là không đúng. Đất của ông T có nguồn gốc khai hoang từ năm 1995 và được sang nhượng canh tác liên tục, sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay, không có Cơ quan tổ chức nào ngăn cấm hay có tranh chấp với ai, ông T là người nhận sang nhượng ngay tình nên đủ điều kiện để được bồi thường theo quy UBND huyện E chỉ bồi thường cây trồng theo số lượng kiểm đếm năm 2021 là không đúng pháp luật.

Do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xem xét giải quyết: Hủy bỏ Quyết định số: 745/QĐ-UBND quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định 740/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường ngày 03/12/2021 của UBND huyện E. Buộc UBND huyện E phải bồi thường diện tích 48.568,3m^2 đất và 1000 cây cao trồng năm 2012 cho gia đình ông T đúng theo quy định của pháp luật.

4/ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn V và bà Trịnh Thị D1:

Năm 1994 gia đình ông Vi Văn V vào làm ăn kinh tế sinh sống tại thôn F xã E nay là thôn F xã C huyện E, đã khai hoang được 01lô đất khoảng 02 ha, từ khi khai hoang gia đình ông V sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 2015 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp Trích lục thửa đất gồm thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 diện tích 1.197,9m^2 đất BCS, thửa đất số 50 tờ bản đồ số 15 diện tích 2.679,7m^2 loại đất LUC, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 15, diện tích 477,6m^2 loại đất LUC, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 15 diện tích 1.064,7m^2 loại đất LUC.

Năm 2015 dự án kênh mương đi qua diện tích đất của ông V một phần diện tích đất của ông V đã bị thu hồi 3.594,9m^2 gia đình ông V đã nhận tiền bồi thường. Tiếp đó vào ngày 03/12/2021 UBND huyện E tiếp tục ban hành Quyết định số: 744/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.340,9m^2 và Quyết định số 740/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường với giá không đồng.

UBND huyện E cho rằng đất của gia đình ông V không canh tác liên tục, lấn chiếm đất Lâm trường là không đúng thực tế. Đất của gia đình ông V1 có

nguồn gốc khai hoang sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1994 đến nay, không có ai ngăn cấm, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không có tranh chấp. Năm 2015 UBND huyện E đã thu hồi diện tích đất 3.594,9m^2 và ông V đã nhận được tiền bồi thường. Năm 2021 UBND huyện E tiếp tục lập hồ sơ thu hồi diện tích đất 3.340,9m^2 còn lại mà không bồi thường với lý do đất mới sử dụng ổn định từ năm 2016 là mâu thuẫn, trái quy định của pháp luật.

Do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xem xét giải quyết: Hủy bỏ Quyết định số: 744/QĐ-UBND quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định 740/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện E. Buộc UBND huyện E phải thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi là 3.340,9m^2 NHK cho ông Vi Văn V.

Trước khi mở phiên tòa, những người khởi kiện xin rút yêu cầu Hủy bỏ các Quyết định về việc thu hồi đất.

- Đại diện của** UBND huyện E **trình bày:

Về nguồn gốc đất của các hộ gia đình

1/ Nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn D2

Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 3046, 3047/TL-VPDKDD-KTDC ngày 08/4/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk.Hộ ông Nguyễn Văn D sử dụng diện tích 38.057,9m^2 thuộc thôn 6c, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Kết quả xác nhận số 35/GXN-UBND, ngày 09/9/2021 của UBND xã C thì Diện tích 38.057,9m^2 hộ ông Nguyễn Văn D sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Văn L2 vào năm 2015*(đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*. Cụ thể như sau: Năm 1997, bà Vũ Thị T1 lấn chiếm đất của Công ty L3 đã được UBND tỉnh thu hồi và trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 2672,3 ha đất của Công ty L3 giao cho UBND huyện E quản lý theo Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất*(Sau đây viết tắt là Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003)*. Đến năm 2005 hộ bà T1 chuyển nhượng cho gia đình cá nhân khác (không thu thập được thông tin). Đến năm 2007, hộ gia đình trên chuyển nhượng cho ông Vũ Văn L. Đến năm 2010, ông Vũ Văn Lưu chuyển n cho ông Nghiêm Văn P2, đến năm 2014 ông P2 chuyển nhượng cho ông Vũ Văn L. Trong năm 2014 ông Lưu chuyển n cho ông Nguyễn Văn T, đến năm 2015 ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D.Từ năm 1997 đến năm 2012 sử dụng đất không liên tục, từ năm 2012 đến nay sử dụng đất liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

2/ Nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn Q và bà N Thị Yến.

Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 3044/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC, ngày 07/4/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk. Hộ ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Y sử dụng diện tích 20284,lm^2 thuộc thôn 6c, xã C,

huyện E, tỉnh Đắk Lắk.Căn cứ Kết quả xác nhận số 36/GXN-UBND, ngày 09/9/2021 của UBND xã C thì diện tích 20284,m^2 hộ ông Nguyễn Văn Q sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng cho từ ông Vũ Văn L vào năm 2015 *(đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*. Nguồn gốc cụ thể như sau: Hộ ông Vũ Văn L lấn chiếm đất năm 2008 trên đất Công ty L3 đã được UBND tỉnh thu hồi và trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND, ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2015 ông Vũ Văn L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q.

Việc sử dụng đất: từ năm 2008 đến nay, sử dụng đất không liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

3/ Nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Vi Văn V và bà Trịnh Thị D1

Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 7938, 7939, 7941, 7942/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC, ngày 08/7/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk. Hộ ông Vi Văn V2 dụng diện tích 5419,9m^2 thuộc thôn 6c, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *(diện tích thu hồi: 3340,9m^2)*.Căn cứ Kết quả xác nhận số 37/GXN-UBND, ngày 09/9/2021 của UBND xã C.Diện tích 5419,9m^2 hộ ông Vi Văn V lấn chiếm đất năm 1995 trên đất Công ty L3 đã được UBND tỉnh thu hồi và trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND, ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Việc sử dụng đất:

+ Thửa đất số 49, 50, 55, tờ bản đồ 15: từ năm 1995 đến năm 2016 sử dụng đất không liên tục. Từ năm 2016 đến nay sử dụng đất liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

+ Thửa đất số 54, tờ bản đồ 15: từ năm 1995 đến nay không sử dụng đất.

4/ Nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thi Đ:

Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 7916, 7906/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC, ngày 02/7/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk. Hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng diện tích 69872,3m^2 thuộc thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *(diện tích thu hồi: 48568,3m^2).*

Căn cứ Kết quả xác nhận số 39/GXN-UBND, ngày 09/9/2021 của UBND xã C, Diện tích 69.872,3m^2 hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng do nhận chuyển nhượng năm 2012, cụ thể như sau:

- Thửa 01, tờ số 17, diện tích thu hồi: 33.555,m^2: Hộ ông Vũ Văn L lấn chiếm đất năm 2008 trên đất Công ty L3 đã được UBND tỉnh thu hồi vàtrả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND, ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2009, ông Lưu Văn V3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu P1, năm 2012 ông P1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T.

- Thửa 63, tờ số 14, diện tích thu hồi: 6.549,8m^2: Hộ ông Vũ Văn L lấn chiếm đất năm 2008 trên đất Công ty L3 đã được UBND tỉnh thu hồi và trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QD-UBND, ngày 04/7/2003 của

UBND tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2012, ông Lưu Văn V3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T.

Việc sử dụng đất: từ năm 2008 đến năm 2012 sử dụng đất không liên tục; từ năm 2012 đên nay sử dụng đât liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, ngày 14/07/2015, UBND huyện ban hành Thông báo số: 185, 192, 195, 214, 213/TB-UBND, về việc thu hồi đất đối với các hộ gia đình nêu trên.

Ngày 04/11/2021, UBND huyện ban hành thông báo số 57/TB-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Thông báo thu hồi đất số 213, 214, 195,185, 192/TB-UBND, ngày 14/7/2015của UBND huyện E.

Ngày 22/11/2021, UBND huyện ban hành Thông báo số 62/TB-UBND, về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại thông báo số 57/TB-UBND ngày 04/11/2021 của UBND huyện E.

Ngày 11/5/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thực hiện Kiểm đếm về đất đai, tài sản vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn D đang sử dụng. Tại thời điểm kiểm đếm diện tích 34.633,5m^2 thuộc thửa đất số 59, 61, tờ bản đồ số 14 hiện trạng là đất trống, bỏ hoang, cây bụi cỏ dại mọc không có dấu hiệu canh tác.

Ngày 11/5/2021, Trung tâm phát triển thực hiện Kiểm đếm về đất đai, tài sản vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Q đang sử dụng. Tại thời điểm kiểm đếm diện tích 20.284,lm^2 thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 14 hiện trạng có 05 cây cao su và cây bụi cỏ dại.

Ngày 21/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thực hiện Kiểm đếm về đất đai, tài sản vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất hộ ông Vi Văn V đang sử dụng. Tại thời điểm kiểm đếm diện tích 3340,9m^2 thuộc thửa đất số 49, 50, 55, tờ bản đồ số 15 hiện trạng là lúa nước mới gieo sạ.

Ngày 15, 23/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E thực hiện Kiểm đếm về đất đai, tài sản vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Q đang sử dụng. Tại thời điểm kiểm đếm diện tích 48.568,3m^2 thuộc thửa đất số 01, 63, tờ bản đồ số 17, 14 hiện trạng có tổng 83 cây cao su.

Căn cứ Kết quả kiểm đếm đối với các hộ gia đình; Kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 35, 36, 37, 39/GXN-UBND, ngày 09/9/2021 của UBND xã C về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất và các quy định của pháp luật. Trung tâm phát triển quỹ đất lập Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, đã tổ chức Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi

đất tại Hội trường thôn 6c, xã C, huyện E và trụ sở UBND xã C *(có sự tham gia của ông* Nguyên Văn D3*, ông* Nguyễn Văn Q*, ông* Nguyên Văn T2 *và bà* Trịnh Thị D1*)*.Kết thúc Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đồng thời tổ chức đối thoại với các trường hợp có ý kiến không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 15/10/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E có Tờ Trình số 38/TTr-TTPTQĐ, về việc đề nghị phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất *(kèm theo Phương án số 36/PA-TTPTQĐ,ngày 15/10/2021).*

Ngày 18/11/2021, Phòng T4 cùng Phòng T5, Phòng N1, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND xã C, Ban Q2, Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức thẩm định phương án theo quy định.

Ngày 03/12/2021, Phòng T4 có Tờ trình số 1358/TTr-LN: TNMT-TCKH, về việc đề nghị phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.Cùng ngày 03/12/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 742, 743, 744, 745/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: Đất trồng lúa nước 02 vụ, Đ tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, thuộc Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T3, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nguyễn Văn D, hộ ông Nguyễn Văn Q, hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Vi Văn V vàQuyết định số 740/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với 05 hộ*(trong đó có 04 hộ gia đình nêu trên)*.

Căn cứ Điều 71 Luật Đất đai 2013; Quyết định số 40/2016-QĐ-UBND, ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thu hồi đất, bồi dưỡng, tái định cư, kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc UBND huyện E, Phòng T và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng K - Hạ tầng, phòng Nông nghiệp và P3 triển nông thôn, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, UBND xã C thực hiện Lập, thẩm định và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn D, hộ ông Nguyễn Văn Q, hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Vi Văn V là đúng trình tự, thủ tục quy định cửa pháp luật.

Về thẩm quyền phê duyệt Phương án bồi thường:

Căn cứ Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk V/v ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ Quyết định số 40/2016-QĐ-UBND, ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thu hồi đất, bồi dưỡng, tái định cư, kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk *(nay là Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 Quyết định ban hành Quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi dưỡng, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk).*

Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

Về căn cứ pháp lý lập Phương án bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ khoản 1, Điều 75 Luật đất đai năm 2013 quy định Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: " *Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giây chứng nhận quyên sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp ".*

Căn cứ Điều 82, Luật đất đai năm 2013 quy định *"Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:*

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này. "

Căn cứ Công văn số 8668/UBND-TNMT, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng tại dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk. Tại Mục 5. Các trường hợp được bồi thường về đất và các trường hợp không được bồi thường về đất: *"Các trường hợp được bồi thường về đất được quy định tại Điều 75, Luật Đất đai năm 2013; các trường hợp không được bồi thường về đất được quy định tại Điều 82, Luật Đất đai 2013. Các trường hợp sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh; các trường hợp sử dụng đất trước đây thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh (nay là Công ty*

L3*) đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho địa phương quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trên diện tích đất này chưa được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ theo Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk*

Căn cứ Điểm 2, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk:

" Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, bKhoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

c) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT - TTg của Thủ tướng Chính phủ); Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ."

Căn cứ Công văn số 2309/UBND-NNMT, ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn áp dụng Điểm 2, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh. Theo đó việc xác định thời điểm sử dụng đất làm căn cứ áp dụng mức hỗ trợ cho các trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất được quy định tại Điểm2, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk được căn cứ theo thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi UBND cấp huyện ban hành Thông báo thu hồi đất.

Căn cứ Kết quả kiểm đếm đối với các hộ gia đình; Kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 35, 36, 37, 39/GXN-UBND, ngày 09/9/2021 của UBND xã C về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất và các quy định của pháp luật.

UBND huyện E ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND, ngày 03/12/2021 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với 05 hộ *(trong đó có hộ ông* Nguyễn Văn D *hộ ông* Nguyên Văn Q1*, hộ ông* Nguyên Văn T2 *và hộ ông* Vi Văn V*)* là đúng quy định của pháp luật.

Do đó việc ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị B, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ, ông Vi V4 và bà Trịnh Thị D1 khởi kiện các Quyết định hành chính trong lĩnhvực đất đai của UBND huyện E là không có cơ sở. UBND huyện E đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 128/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 173; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 67, Điều 75, Điều 82, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị B; ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Y; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ; ông Vi Văn V, bà Trịnh Thị D1.

Hủy một phần Quyết định số740/QĐ-UBND ngày 03-12-2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Cánh đồng lúa nước 02 vụ - Điểm tái định cư số 01 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thuộc dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, phần nội dung bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, ông Vi Văn V để bồi thường, hỗ trợ lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 742; 743; 744; 745/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi

đất của hộ ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, ông Vi Văn V để thực hiện công trình: Đất trồng lúa nước 02 vụ, Đ tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, thuộc dự án: Hồ C tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 13 - 10 - 2022, UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm với nội dung: Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 03-12-2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Cánh đồng lúa nước 02 vụ - Điểm tái định cư số 01 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thuộc dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định pháp luật. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện UBND huyện E vắng mặt, có Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Chu Vĩnh C1 trình bày ý kiến giữ nguyên kháng cáo; đề nghị xem xét lại các nội dung mà Bản án sơ thẩm đã nhận định để quyết định như: UBND huyện E không thực hiện đúng quy định Điều 67 Luật đất đai, việc yêu cầu bồi thường số lượng cây trồng theo kết quả kiểm đếm năm 2015, thời điểm sử dụng đất của những người khởi kiện và việc sử dụng đất qua nhiều người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất ngày 14-3-2023, người kháng cáo là UBND huyện E vắng mặt không có lý do, ông Chu Vĩnh C1 và ông Nguyễn Thu K, đại diện của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có đơn xin hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ngày 25-5-2023 người kháng cáo là UBND huyện E vắng mặt không có lý do, thuộc trường hợp xem như từ bỏ kháng cáo; tuy nhiên Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, đồng thời là đại diện cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có mặt tại phiên tòa có ý kiến là UBND huyện E giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục phúc thẩm, được xem như có người đại diện tham gia phiên tòa.

[2] Đối với các Quyết định thu hồi đất:

Ngày 27/4/2022, những người khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thi B; ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Y; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thi Đ; ông Vi Văn V, bà Trịnh Thị D1 gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định 742; 743; 744; 745/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: Đất trồng lúa nước 02 vụ, Đ tái định cư số 1, tại xã C, huyện E, thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T3 tỉnh Đắk Lắk; và các Quyết định số 740; 746/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Quá trình giải quyết vụ án, những người khởi kiện xin rút phần nội dung khởi kiện về yêu cầu hủy Quyết định số: 742; 743; 744; 745/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất. Bản án sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; yêu cầu UBND huyện E phải bồi thường diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất:

[3.1] Đối với yêu cầu bồi thường về đất:

Những người khởi kiện cho rằng đất có nguồn gốc khai hoang, nhận chuyển nhượng và sử dụng liên tục, ổn định nên phải được bồi thường về đất khi bị thu hồi. Tuy nhiên việc chuyển nhượng chỉ viết giấy tay không có xác nhận của Chính quyền địa phương.Theo xác định của Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai thì vị trí các thửa đất thu hồi của những người khởi kiện trước đây thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty TNHH MTV L3, đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi giao cho địa phương quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc các hộ dân khai phá sử dụng và chuyển nhượng qua nhiều người mà không bị xử phạt hành chính là do sự thiếu quản lý của cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 75, Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì đất của những người khởi kiện không đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, nên Ủy ban nhân dân huyện E không bồi thường về đất khi thu hồi là phù hợp.

[3.2] Xem xét về thời điểm sử dụng đất

Đối với hộ ông Nguyễn Văn D*:* UBND xã C xác nhận năm 1997, bà Vũ Thị T1 lấn chiếm đất của Công ty L3, sử dụng đến năm 2005 hộ bà T1 chuyển nhượng cho gia đình cá nhân khác (không thu thập được thông tin). Đến năm 2007, hộ gia đình trên chuyển nhượng lại cho ông Vũ Văn L. Đến năm 2010, ông Vũ Văn Lưu chuyển n cho ông Nghiêm Văn P2, đến năm 2014 ông P2 chuyển nhượng cho ông Vũ Văn L. Trong năm 2014 ông Lưu chuyển n cho ông Nguyễn Văn T, đến năm 2015 ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn D.

Nội dung xác nhận của UBND xã C trùng hợp với nội dung trình bày của ông Nguyễn Văn D về nguồn gốc, quá trình chuyển nhượng đất. Biên bản kiểm

đếm tài sản vật kiến trúc và Quyết định 740/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện E đều thể hiện trên đất có cây Cao su trồng năm 2009, nhưng UBND xã C xác nhận thửa đất số 59, tờ bản đồ số 14 trồng Cao su nêu trên được sử dụng từ năm 2012 là không chính xác.

Đối với hộ ông Nguyễn Văn Q*:* Căn cứ Giấy sang nhượng đất có xác nhận của Ban tự quản Thôn thì nguồn gốc lô đất do gia đình ông Q nhận sang nhượng của ông Trịnh Văn Y1 vào ngày 02/02/2007. Do đó, UBND xã C xác nhận ông Q nhận chuyển nhượng từ ông L vào năm 2015 là không chính xác. Lời khai của ông Y1 và ông Minh xác n1 lô đất có nguồn gốc ông của Y1 nhận sang nhượng năm 2005 của ông Nguyễn Văn M, do ông M khai hoang năm 1995.

Đối với hộ ông Vi Văn V xã C xác nhận diện tích 5419,9m^2 hộ ông Vi Văn V lấn chiếm đất Công ty L3 năm 1995. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất là trùng khớp với lời khai của ông V là năm 1995.

Đối với hộ ông Nguyễn Văn T*:* Căn cứ giấy sang nhượng đất thì lô đất do gia đình ông Nguyễn Văn T nhận sang nhượng của ông Nguyễn Hữu P1 vào năm 2009. Theo Giấy sang nhượng đất lập ngày 15/02/2006 – có xác nhận của Ban tự quản thôn thì lô đất có nguồn gốc ông P1 nhận sang nhượng của ông Vũ Văn L vào năm 2006. Như vậy, UBND xã C xác nhận đất của ông T có nguồn gốc do ông Vũ Văn L lấn chiếm đất Công ty L3 vào năm 2008 là không đúng về thời gian. Theo lời khai ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị T1 (*BL 207, 210*) thì thửa đất này do bà T1 khai hoang năm 1995, đến năm 2003 thì bà T1 chuyển nhượng cho ông Vũ Văn L. Lời khai ông L, bà T1 là phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào quá trình chuyển nhượng giữa các hộ dân, có căn cứ xác định đất của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T được sử dụng từ trước thời điểm mà Cơ quan Tổ chức làm nhiệm vụ thu hồi đất, giải tỏa, bồi thường, hỗ trợ của huyện E xác định, việc sử dụng đất qua nhiều người nhưng vẫn đảm bảo việc sử dụng đất liên tục. Tại thời điểm có Thông báo thu hồi đất năm 2015, hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q đang có cây Cao su trên đất, hộ ông Vi Văn V đang gieo sạ lúa, không có việc bỏ hoang không sử dụng như UBND xã C xác định vào năm 2021. Đồng thời, do đang sử dụng đất nên UBND huyện mới có cơ sở ban hành Thông báo thu hồi đất đối với từng người đang sử dụng đất vào năm 2015.

Hơn nữa, theo xác nhận của UBND xã nơi cư trú thì gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, ông Vi Văn V đều là gia đình làm nông, là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp. Đất của những người khởi kiện đều đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp Trích lục vào năm 2015. Do đó, có cơ sở khẳng định các hộ gia đình đang khởi kiện đều sử dụng đất ổn định, liên tục từ trước đó.

Tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

"2. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

h) Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan".

[3.3] Xem xét yêu cầu về hỗ trợ:

Tại Công văn số 2309/UBND-NNMT, ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn áp dụng điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh, thì việc xác định thời điểm sử dụng đất làm căn cứ áp dụng mức hỗ trợ cho các trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất được quy định tại Điểm 2 Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh được căn cứ theo thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi UBND cấp huyện ban hành Thông báo thu hồi đất.

Theo quy định nêu trên thì trường hợp của các hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Q,ông Nguyễn Văn T, ông Vi Văn V được tính để hỗ trợ là từ khi hộ gia đình, cá nhân đầu tiên sử dụng diện tích đất thu hồi, chứ không phải tính từ lúc những người khởi kiện sử dụng đất.

Tại Điểm 2 Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định:

" Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

b) Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;"

Theo quy định nêu trên thì Ủy ban nhân dân huyện E quyết định chỉ hỗ trợ đối với H1 ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 14, mức hỗ trợ 30% và tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14 hỗ trợ là 0%; Đối với Hộ ông Nguyễn Văn Q tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 14 mức hỗ trợ là 0%; Đối với Hộ ông Vi Văn V tại thửa đất số 49, 50, 54, 55, tờ bản đồ số 15 mức hỗ trợ là 0%, thửa 54 không sử dụng; Đối với Hộ ông Nguyễn Văn T tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 17 mức hỗ trợ là 0%; thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 mức hỗ trợ là 30%; tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 mức hỗ trợ 0% là chưa chính xác. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về nội dung này là có căn cứ.

[3.4] Xem xét yêu cầu về bồi thường số lượng cây trồng trên đất

Năm 2015, UBND huyện E ban hành Thông báo thu hồi đất gửi các hộ dân có đất bị thu hồi, đồng thời tiến hành Kiểm kê tài sản vào năm 2015. Biên bản kiểm kê năm 2015 do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E lưu giữ, đã có số liệu kiểm kê và có chữ ký xác nhận của từng hộ dân đang sử dụng đất; như vậy việc hoàn thiện ký chú xác nhận vào Biên bản kiểm kê chỉ còn thuộc về trách nhiệm của phía Cơ quan, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng. Theo số liệu kiểm kê năm 2015 thì đối với hộ ông Nguyễn Văn Q gồm có 341 cây cao su trồng năm thứ 2 loại A, 148 cây cao su trồng năm thứ 2 loại B; Hộ ông Nguyễn Văn T gồm có 211 cây cao su trồng năm thứ 3 loại A, 91 cây cao su trồng năm thứ 3 loại B; Hộ ông Nguyễn Văn D có 409 cây cao su trồng năm thứ 5 loại A, 500 cây cao su trồng năm thứ 5 loại B.

Tuy nhiên, sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất và tiến hành kiểm đếm tài sản năm 2015, các hộ dân chấp hành, không thực hiện quản lý, chăm sóc cây trồng cũ dẫn đến các cây trồng bị chết và hao hụt; đến tháng 7 năm 2021 thì lại lập Biên bản kiểm kê mới rồi lấy số liệu trong bản kiểm kê mới này làm căn cứ ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của những người đang sử dụng đất bị thu hồi.

Đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bồi thường 1.000 cây cao su nhưng tài liệu thu thập được chỉ thể hiện có 302 cây cao su nên không đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng ông T bà Đ.

[4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy việc UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các hộ dân ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, ông Vi Văn V là chưa đúng với thực tế, nên cần hủy bỏ để UBND huyện E lập hồ sơ thủ tục và ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định.

Bản án hành chính sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu chứng cứ và quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu 300.000đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E và giữ nguyên quyết định của Bản án

hành chính sơ thẩm số 128/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2.Về án phí phúc thẩm: UBND huyện E phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.00 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0022474 ngày 17-10-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; UBND huyện E đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT III-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long